

DANH SÁCH

Cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk sau hợp nhất
(tính đến hết ngày 05/12/2025)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

A. DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP: 210 giám định viên

STT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Quyết định bổ nhiệm GDV tư pháp/Quyết định bổ nhiệm và cấp Thẻ GĐV tư pháp	Lĩnh vực giám định	Nơi công tác
I	GIÁM ĐỊNH VIÊN PHÁP Y/PHÁP Y TÂM THẦN (25 người)				
1.	Bùi Bình Trung	03/02/1974	Số 920/QĐ-UBND ngày 23/4/2019	Pháp y	Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk (Giám đốc)
2.	Trương Lê Thanh	25/7/1986	Số 920/QĐ-UBND ngày 23/4/2019	Pháp y	Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk
3.	Lê Đình Mẫn	01/02/1964	Số 858/QĐ-UBND ngày 06/6/2016	Pháp y	Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk
4.	Y AuBert Mlô	23/02/1967	Số 188/QĐ-UBND ngày 22/01/2020	Pháp y	Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk
5.	Nguyễn Quang Thạnh	12/10/1987	Số 250/QĐ-UBND ngày 07/02/2017	Pháp y	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk

6.	Nguyễn Quang Hạnh	29/01/1991	Số 2351/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	Pháp y	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
7.	Đỗ Xuân Lộc	06/9/1965	Số 1868/QĐ-UBND ngày 27/7/2010	Pháp y	Bệnh viện đa khoa Buôn Hồ
8.	Bùi Khắc Hùng	08/01/1966	Số 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Pháp y	Trung tâm Y tế Krông Pắc
9.	Y Kiêm Tor	20/5/1970	Số 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Pháp y	Trung tâm Y tế Ea Súp
10.	Nguyễn Văn Đệ	25/10/1967	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Pháp y	Trung tâm Y tế Ea H'leo
11.	Trần Thuận	02/02/1966	Số 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Pháp y	Trung tâm Y tế Krông Búk
12.	Trịnh Đức Lam	25/3/1967	Số: 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Pháp y	Trung tâm Y tế Cư Kuin
13.	Châu Dương	10/9/1966	Số 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Pháp y	Bệnh viện Phổi Đắk Lắk
14.	Ngô Quang Vinh	15/01/1965	Số 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Pháp y	Trung tâm Y tế M'Đrắk
15.	Phạm Xuân Thuỷ	13/8/1968	Số 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Pháp y	Trung tâm Y tế M'Đrắk
16.	Hồ Đức Châu	02/9/1964	Số 2069/QĐ-UBND ngày 12/11/2004	Pháp y	Trung tâm Y tế Krông Năng
17.	Nguyễn Phú Đức	31/12/1971	Số 2069/QĐ-UBND ngày 12/11/2004	Pháp y	Trung tâm Y tế Krông Bông

18.	Nguyễn Văn Mạnh	08/4/1966	Số 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Pháp y	Trung tâm Y tế Krông Pắc
19.	Y Thoan Ê Ban	01/6/1975	Số 322/QĐ-UBND ngày 17/02/2009	Pháp y	Trung tâm Y tế Ea H'leo
20.	Lê Phú Sang	10/3/1972	Số 815/QĐ-UBND ngày 23/6/2010	Pháp y	Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk
21.	Đặng Minh Tùng	13/5/1972	Số 1158/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	Pháp y	Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk (Phó Giám đốc)
22.	Trần Xuân Bách	02/02/1992	Số 1588/QĐ-UBND ngày 30/5/2024	Pháp y	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
23.	Đặng Chí Hiền	15/7/1973	Số 980/QĐ-UBND ngày 21/7/2010	Pháp y	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
24.	Hà Tuấn Khanh	17/02/1992	Số 268/QĐ-UBND ngày 25/2/2021	Pháp y	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
25.	Lê Hồ Phô	1/1/1991	Số 1451/QĐ-UBND ngày 28/10/2024	Pháp y	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
II	GIÁM ĐỊNH VIÊN KỸ THUẬT HÌNH SỰ (41 người)				
1.	Phạm Anh Đức	01/8/1987	Số 3364/QĐ-UBND ngày 06/12/2017	KTHS/Dấu vết đường vân	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
2.	Đặng Thị Thái Mỹ	11/02/1990	Số 3364/QĐ-UBND ngày 06/12/2017	KTHS/Sinh học	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
3.	Nguyễn Duy Hùng	03/9/1984	Số 3544/QĐ-UBND ngày 29/12/2015	KTHS/Tài liệu	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk

			Số 1907/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	KTHS/Dấu vết đường vân	
4.	Hà Thị Hằng	30/4/1983	Số: 113/QĐ-UBND ngày 16/01/2017	KTHS/Tài liệu	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
5.	Nguyễn Quốc Tuấn	21/4/1986	Số 3364/QĐ-UBND ngày 06/12/2017	KTHS/Tài liệu	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
6.	Nguyễn Thị Thúy Phuong	27/7/1980	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	KTHS/Hóa học	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
7.	Lê Khắc Nguyên	26/8/1987	Số 113/QĐ-UBND ngày 16/01/2017	KTHS/Hóa học	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
8.	Nguyễn Bá Hoàn	12/8/1980	Số 579/QĐ-UBND ngày 15/3/2012	KTHS/Hóa học	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
9.	Trần Hoàng Việt	11/3/1989	Số 3364/QĐ-UBND ngày 06/12/2017	KTHS/Kỹ thuật	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
			Số 1910/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	KTHS/Kỹ thuật số và điện tử	
10.	Võ Ngọc Thắng	26/3/1987	Số 1454/QĐ-UBND ngày 28/6/2018	KTHS/Kỹ thuật	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
11.	Trịnh Hùng Chiến	23/02/1984	Số 1908/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	KTHS/Dấu vết đường vân	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
12.	Đinh Thị Hồng Thu	21/10/1992	Số 1909/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	KTHS/Dấu vết đường vân	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
13.	Nguyễn Hoàng Dũng	15/9/1984	Số 1911/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	KTHS/Tài liệu	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk

14.	Huỳnh Ngọc Ánh	07/9/1994	Số 2794/QĐ-UBND ngày 08/10/2021	KTHS/Tài liệu, Dấu vết cơ học	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
15.	Nguyễn Đình Huân	30/11/1987	Số 113/QĐ-UBND ngày 16/01/2017	KTHS/Tài liệu	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
16.	Nguyễn Thị Hoà	10/10/1984	Số 2893/QĐ-BCA ngày 02/5/2024	Tài liệu	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
17.	Nguyễn Thị Thu Hằng	29/7/1988	Số 2895/QĐ-BCA ngày 02/5/2024	Dấu vết đường vân	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
18.	Vũ Chiến Thắng	22/6/1990	Số 2889/QĐ-BCA ngày 02/5/2024	Dấu vết cơ học	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
19.	Phạm Viết Hải	06/4/1979	Số 1613/QĐ-BCA ngày 11/3/2025	Hoá học	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
20.	Trần Minh Phương	20/5/1984	Số 1613/QĐ-BCA ngày 11/3/2025	Hoá học	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
21.	Nguyễn Thị Uyên Vy	01/01/1982	Số 1612/QĐ-BCA ngày 11/3/2025	Sinh học	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
22.	Nguyễn Đắc Huyền Sim	20/12/1992	Số 1615/QĐ-BCA ngày 11/3/2025	Dấu vết đường vân	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
23.	Nguyễn Thị Thảo	26/02/1993	Số 1615/QĐ-BCA ngày 11/3/2025	Dấu vết đường vân	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
24.	Phạm Ngọc Toàn	16/01/1976	Số 493/QĐ-UBND ngày 14/3/2007	Tài liệu	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk

25.	Lương Tấn Nhật	17/01/1966	Số 493/QĐ-UBND ngày 14/3/2007	Tài liệu	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
26.	Nguyễn Văn Dũng	11/11/1970	Số 493/QĐ-UBND ngày 14/3/2007	Dấu vết cơ học, súng - đạn, kỹ thuật	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
27.	Nguyễn Ánh Minh	28/01/1980	Số 980/QĐ-UBND ngày 21/7/2010	Dấu vết đường vân	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
28.	Nguyễn Hường	19/02/1968	Số 493/QĐ-UBND ngày 14/3/2007	Hóa học	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
29.	Lê Duy Trì	20/6/1983	Số 705/QĐ-UBND ngày 16/4/2015	Tài liệu	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
30.	Phan Mạnh Hoài	12/6/1985	Số 247/QĐ-UBND ngày 23/2/2021	Dấu vết cơ học Sinh học	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
31.	Phan Đức Kha	18/3/1987	Số 660/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 Số 1748/QĐ-UBND ngày 08/5/2017	Dấu vết đường vân Hóa học	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
32.	Hoàng Anh Long	10/3/1981	Số 1807/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 Số 249/QĐ-UBND ngày 23/02/2021	Dấu vết cơ học Kỹ thuật số và điện tử	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
33.	Đinh Trọng Giáp	13/10/1979	Số 1806/QĐ-UBND ngày 13/10/2020	Dấu vết đường vân	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk

34.	Nguyễn Anh Linh	28/7/1988	Số 1804/QĐ-UBND ngày 13/10/2020	Dấu vết đường vân	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
35.	Bùi Xuân Phương	5/9/1974	Số 245/QĐ-UBND ngày 23/02/2021	Dấu vết cơ học	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
36.	Bùi Sỹ Nguyên	25/8/1987	Số 248/QĐ-UBND ngày 23/2/2021	Kỹ thuật số và điện tử	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
37.	Đinh Thị Ánh Tuyết	08/10/198	Số 5261/QĐ-BCA ngày 23/6/2025	Sinh học	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
38.	Hoàng Thị Tuyết Trang	19/03/1984	Số 4419/QĐ-BCA ngày 28/5/2025	Súng đạn	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
39.	Ngô Khắc Sinh	30/12/1972	Số 1608/QĐ-BCA ngày 11/3/2025	Tài liệu	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
40.	Nguyễn Văn Linh	29/6/1989	Số 7214/QĐ-BCA ngày 30/12/2015 Số 3786/QĐ-BCA ngày 25/7/2018	Tài liệu Dấu vết đường vân	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
41.	Bùi Thị Sen	18/02/1988	Số 1613/QĐ-BCA ngày 11/3/2025	Hóa học	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk
III	GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH (11 người)				
1.	Phạm Mạnh Cường	07/8/1978	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

2.	Nguyễn Thị Bích Phượng	15/6/1981	Số 2881/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3.	Trịnh Thị Hằng	10/6/1988	Số 2881/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4.	Trần Quang Năm	15/4/1976	Số 2881/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5.	Trần Thị Thu Hà	23/02/1984	Số 2881/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
6.	Nguyễn Hoàng Dưỡng	09/4/1967	Số 3371/QĐ-UBND ngày 13/12/2018	Thông tin và truyền thông	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
7.	Huỳnh Sự	10/10/1983	Số 3371/QĐ-UBND ngày 13/12/2018	Thông tin và truyền thông	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
8.	Vũ Ngọc Anh Quyên	01/01/1981	Số 1868/QĐ-UBND ngày 27/7/2010	Thông tin và truyền thông	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
9.	Trần Phạm Thiên Trang	03/6/1982	Số 2225/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	Thông tin và truyền thông	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
10.	Lê Thị Châu Nga	27/10/1984	Số 947/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	Xuất bản; Luật	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
11.	Nguyễn Hữu An	6/5/1978	Số 2125/QĐ-UBND ngày 21/12/2011	Cổ vật	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

IV	GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH (20 người)				
1	Huỳnh Phú Tài	10/5/1969	Số 818/QĐ-UBND ngày 11/4/2019	Tài chính	Phòng Quản lý Giá, Công sản và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính
2	Nguyễn Thế Diễm	01/8/1981	Số 3181/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	Tài chính	Phòng Tài chính - Hành chính sự nghiệp - Sở Tài chính
3	Thái Trần Thành	18/10/1983	Số 3181/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	Tài chính	Thanh tra Sở - Sở Tài chính
4	Mai Xuân Sinh	21/3/1987	Số 3181/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	Tài chính	Phòng Tài chính Đầu tư - Sở Tài chính
5	Nguyễn Thanh Trà	15/9/1990	Số 1557/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	Tài chính - Kế toán	Sở Tài chính
6	Đặng Quang Hoàng	18/02/1977	Số 98/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	Tài chính - Kế toán	UBND Phường Tuy Hòa
7	Vũ Thiện Đồng	11/6/1980	Số 98/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	Tài chính - Kế toán	UBND Phường Tuy Hoà
8	Trần Thị Như Trúc	15/4/1982	Số 98/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	Tài chính - Kế toán	UBND Phường Sông Cầu
9	Đinh Thị Bảo Châu	18/11/1990	Số 1631/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	Tài chính - Kế toán	UBND xã Xuân Thọ
10	Trần Hồng Nam	23/6/1977	Số 98/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	Tài chính - Kế toán	UBND Phường Hòa Hiệp

11	Võ Thị Hạnh	30/12/1983	Số 98/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	Tài chính - Kế toán	UBND Phường Đông Hòa
12	Nguyễn Thị Thu Lam	04/10/1986	Số 98/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	Tài chính - Kế toán	UBND xã Đồng Xuân
13	Trần Lê Huy	18/5/1981	Số 98/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	Tài chính - Kế toán	UBND xã Sơn Hòa
14	Trần Văn Trí	20/6/1990	Số 98/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	Tài chính - Kế toán	UBND xã Sơn Thành
15	Võ Hồng Đính	12/8/1978	Số 98/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	Tài chính - Kế toán	UBND xã Phú Hòa 2
16	Lưu Văn Tùng	01/01/1975	Số 98/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	Tài chính - Kế toán	UBND xã Ea Ly
17	Nguyễn Mai Trang	15/6/1989	Số 98/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	Tài chính - Kế toán	UBND xã Sông Hình
18	Ngô Thanh Hiệp	06/06/1973	Số 98/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	Tài chính - Kế toán	UBND xã Ô Loan
19	Đào Thị Hải Phùng	02/11/1975	Số 98/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	Tài chính - Kế toán	UBND xã Ô Loan
20	Lê Xuân Quang	08/8/1976	Số 02234/QĐ-UBND ngày 04/12/2025	Tài chính	Sở Tài chính
V	GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (03 người)				
1	Lê Bê Ta	20/12/1984	Số 35/QĐ-UBND ngày 08/01/2024	Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính

2	Nguyễn Duy Lai	03/9/1983	Số 02234/QĐ-UBND ngày 04/12/2025	Kế hoạch và đầu tư	Sở Tài chính
3	Nguyễn Vĩnh Hàng	10/7/1988	Số 02234/QĐ-UBND ngày 04/12/2025	Kế hoạch và đầu tư	Sở Tài chính
VI	GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG (16 người)				
1	Phạm Văn Lập	28/9/1975	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Xây dựng	Bí thư Đảng ủy xã Krông Pắc
2	Nguyễn Minh Đạt	06/7/1974	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Xây dựng	Phòng Quản lý Chất lượng công trình - Sở Xây dựng
3	Võ Ngọc Trúc	15/12/1987	Số 1133/QĐ-UBND ngày 29/7/2019	Về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình	Trung tâm Quy hoạch và Tư vấn xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng
4	Huỳnh Anh Vũ	20/10/1983	Số 1133/QĐ-UBND ngày 29/7/2019	- Về chất lượng thiết kế xây dựng công trình - Về chất lượng bộ phận công trình, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng - Về chất lượng vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình - Về chi phí đầu tư xây	Trung tâm Quy hoạch và Tư vấn xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng

				dựng công trình, giá trị công trình	
5	Huỳnh Kim Tín	12/7/1984	Số 1133/QĐ-UBND ngày 29/7/2019	- Về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng - Về chất lượng thiết kế xây dựng công trình - Về chất lượng bộ phận công trình, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng - Về chất lượng vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình - Về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Tuy Hòa
6	Phạm Tấn Kiệt	01/10/1985	Số 1133/QĐ-UBND ngày 29/7/2019	- Về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng. - Về chất lượng thiết kế xây dựng công trình. - Về chất lượng bộ phận công trình, công trình xây	Công ty TNHH Vạn Hưng Tâm

				dụng và giám định sự cố công trình xây dựng. - Về chất lượng vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình. - Về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình.	
7	Trịnh Trung Hiếu	14/02/1993	Số 1632/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	Sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng, trong các giai đoạn: lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng công trình, nghiệm thu và bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng, khai thác và bảo trì công trình xây dựng.	Trung tâm Giám định, kiểm định chất lượng xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng
8	Nguyễn Chí Phú	3/8/1988	Số 1632/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	- Về chất lượng xây dựng, bao gồm: giám định chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, vật liệu	Trung tâm Giám định, kiểm định chất lượng xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng

				xây dựng, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình, bộ phận công trình, công trình xây dựng; giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng, nguyên nhân hư hỏng công trình xây dựng. - Về chi phí xây dựng công trình, bao gồm: giám định về tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình, giá gói thầu xây dựng; thanh toán và quyết toán hợp đồng xây dựng, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư xây dựng và các vấn đề khác có liên quan; giám định tư pháp về giá trị nhà ở và bất động sản	
9	Nguyễn Hữu Hoàng	10/12/1975	Số 1632/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	- Sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng, trong các giai đoạn: Lập dự án đầu tư	Trung tâm Giám định, kiểm định chất lượng xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng

				xây dựng, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng công trình, nghiệm thu và bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng, khai thác và bảo trì công trình xây dựng. - Về chất lượng xây dựng, bao gồm: Giám định chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, vật liệu xây dựng, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình, bộ phận công trình, công trình xây dựng; giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng, nguyên nhân hư hỏng công trình xây dựng. - Về chi phí xây dựng công trình, bao gồm: Giám định về tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình,	
--	--	--	--	---	--

				giá gói thầu xây dựng; thanh toán và quyết toán hợp đồng xây dựng, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư xây dựng và các vấn đề khác có liên quan; giám định tư pháp về giá trị nhà ở và bất động sản	
10	Trần Kim Sơn	20/3/1989	Số 1632/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	Tương tự như trên	Trung tâm Giám định, kiểm định chất lượng xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng
11	Huỳnh Văn Nguyên	15/12/1987	Số 1632/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	Tương tự như trên	Trung tâm Giám định, kiểm định chất lượng xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng
12	Trần Văn Hoan	5/10/1981	Số 1675/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	Tương tự như trên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Đông Hòa
13	Lê Thành Nhân	26/9/1988	Số 1675/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	Tương tự như trên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Đông Hòa
14	Đặng Nguyễn Ý Nhi	15/8/1976	Số 1675/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	Tương tự như trên	Trung tâm Giám định, kiểm định chất lượng xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng

15	Phan Minh Vũ	15/10/1988	Số 1675/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	- Về chất lượng thiết kế xây dựng công trình - Về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan	Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Đầu tư xây dựng Kiến Quy
16	Đỗ Ngọc Thiệu	1/1/1978	Số 1675/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	Về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Tuy Hòa
VII	GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI (05 người)				
1	Phan Tiên Viên	15/7/1977	Số 2123/QĐ-UBND ngày 21/12/2011	Tai nạn giao thông đường bộ	Trung tâm Đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải 78.01S trực thuộc Sở Xây dựng (<i>Đã nghỉ việc, đang dự thảo hồ sơ miễn nhiệm</i>)
2	Phạm Tuấn Anh	2/2/1970	Số 2123/QĐ-UBND ngày 21/12/2011	Tai nạn giao thông đường bộ	Trung tâm Đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải 78.01S trực thuộc Sở Xây dựng
3	Nguyễn Trọng Thắng	24/7/1981	Số 1838/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	Tai nạn giao thông đường bộ	Trung tâm Đăng kiểm phương tiện giao thông vận

					tải 78.01S trực thuộc Sở Xây dựng
4	Lê Đức Hiền	25/12/1976	Số 1838/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	Tai nạn giao thông đường bộ	Trung tâm Đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải 78.01S trực thuộc Sở Xây dựng
5	Nguyễn Xuân Cảnh	26/12/1977	Số 1838/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	Tai nạn giao thông đường bộ	Chủ tịch UBND phường Phú Yên
VIII	GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (68 người)				
1	Nguyễn Văn Thảo	19/01/1980	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Thủy sản	Chi cục Thủy sản và Biển đảo - Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Nguyễn Quốc Hùng	13/3/1966	Số 879/QĐ-UBND ngày 08/4/2010	Thủy lợi	Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai - Sở Nông nghiệp và Môi trường (<i>Đã nghỉ hưu, đang thực hiện quy trình miễn nhiệm</i>)
3	Nguyễn Hải Quế	02/7/1972	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
4	Quách Đình Trúc	14/5/1976	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Trần Quốc Hoan	17/12/1981	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường

6	Lê Hữu Sơn	05/11/1977	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Phạm Duy Mẫn	25/5/1978	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường <i>(Có đơn xin miễn nhiệm, đang thực hiện quy trình miễn nhiệm)</i>
8	Quách Trung Hiếu	30/01/1980	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Ninh Văn Vịnh	14/9/1970	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường <i>(Đã thôi việc, đang thực hiện quy trình miễn nhiệm)</i>
10	Đặng Văn Tính	19/4/1975	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
11	Phạm Ngọc Quang	15/8/1983	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
12	Chung Quý Bình	16/7/1976	Số 862/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường <i>(Đã thôi việc, đang thực hiện quy trình miễn nhiệm)</i>
13	Nguyễn Thái Hưng	20/01/1979	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường

					<i>(Đã thôi việc, đang thực hiện quy trình miễn nhiệm)</i>
14	Huỳnh Văn Bin	16/3/1981	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
15	Hoàng Danh Văn	05/01/1981	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
16	Lê Hưng	03/7/1977	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
17	Nguyễn Thanh Tuấn	16/02/1981	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
18	Nguyễn Quang Trung	23/01/1980	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
19	Bùi Xuân Long	22/9/1984	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
20	Văn Phú Quang	16/02/1983	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
21	Nguyễn Hải Đường	02/12/1978	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
22	Nguyễn Văn Hiên	05/05/1979	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
23	Trương Văn Ty	24/8/1986	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
24	Hồ Văn Lành	11/11/1982	Số 1561/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường

25	Trần Đức Hóa	09/5/1985	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
26	Nguyễn Đức Ngọc	02/02/1986	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
27	Đoàn Mạnh Hoàn	21/10/1982	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
28	Triệu Văn Truyền	03/9/1988	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
29	Hoàng Anh Kiệt	26/2/1982	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
30	Y Khuyên Niê Kdăm	27/12/1979	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
31	Huỳnh Văn Hùng	10/02/1990	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
32	Võ Tấn Hồng	28/4/1978	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
33	Hoàng Quốc Thư	15/2/1988	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
34	Y Zôn Niê	25/8/1986	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
35	Trịnh Ngọc Trí	10/8/1980	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
36	Trần Duy Hoàng	22/10/1985	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường

37	Trần Thiên Văn	10/01/1987	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
38	Hà Đình Trai	08/4/1984	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
39	Trần Vũ Quang	17/02/1981	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
40	Thái Khắc Dũng	28/12/1984	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
41	Đỗ Thiên Long	07/07/1973	Số 2440/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường (<i>Đã thôi việc, đang thực hiện quy trình miễn nhiệm</i>)
42	Đào Thị Xuân Hoa	01/8/1976	Số 135/QĐ-UBND ngày 19/01/2023	Môi trường	Chi cục Bảo vệ môi trường - Sở Nông nghiệp và Môi trường
43	Nguyễn Đình Thoại	28/12/1976	Số 2793/QĐ-UBND ngày 08/10/2021	Nông nghiệp và Môi trường (Đất đai)	Chi cục Quản lý Đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường
44	Nguyễn Tiến Dũng	29/7/1977	Số 575/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	Nông nghiệp và Môi trường (Đất đai)	Chi cục Quản lý Đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường
45	Phạm Tuấn Dương	01/10/1980	Số 576/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	Nông nghiệp và Môi trường (Đất đai)	Chi cục Quản lý Đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường

46	Phùng Văn Hiếu	12/03/1979	Số 1561/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	Nông nghiệp và Môi trường (Đất đai)	Chi cục Quản lý Đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường
47	Nguyễn Thanh Trà	20/7/1982	Số 1561/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	Nông nghiệp và Môi trường (Đất đai)	Chi cục Quản lý Đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường
48	Phan Thị Thanh Nga	10/12/1985	Số 1561/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	Nông nghiệp và Môi trường (Đất đai)	Chi cục Quản lý Đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường
49	Trương Thị Hoàng Lan	10/6/1993	Số 1561/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	Nông nghiệp và Môi trường (Đất đai)	Chi cục Quản lý Đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường
50	Võ Duy Nam	23/11/1986	Số 1561/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	Nông nghiệp và Môi trường (Đất đai)	Chi cục Quản lý Đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường
51	Văn Quốc Triều	25/8/1985	Số 1561/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	Đất đai	Phòng Địa chất và Khoáng sản - Sở Nông nghiệp và Môi trường
52	Nguyễn Ngọc Sang	17/4/1983	Số 1561/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	Nông nghiệp và Môi trường (Đất đai)	Chi cục Quản lý Đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường
53	Huỳnh Thị Kiều	08/01/1983	Số 1561/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	Nông nghiệp và Môi trường (Đất đai)	Chi cục Quản lý Đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường

54	Nguyễn Thị Mỹ Hoà	28/5/1988	Số 1561/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	Nông nghiệp và Môi trường (Đất đai)	Chi cục Quản lý Đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường
55	Lê Thị Thuý	18/4/1989	Số 1561/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	Nông nghiệp và Môi trường (Đất đai)	Chi cục Quản lý Đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường
56	Lê Thị Thu Hiền	01/4/1982	Số 1561/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	Tài nguyên và Môi trường (Quản lý tài nguyên môi trường)	Phòng Tổ chức cán bộ - Sở Nông nghiệp và Môi trường
57	Cao Việt Vương	23/11/1983	Số 1561/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	Môi trường	Chi cục Bảo vệ môi trường - Sở Nông nghiệp và Môi trường
58	Trương Thị Thanh Thùy	10/9/1983	Số 1561/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	Môi trường	Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai - Sở Nông nghiệp và Môi trường (Đang thực hiện quy trình miễn nhiệm)
59	Hoàng Nguyễn Mỹ Linh	08/10/1991	Số 1561/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	Tài nguyên và Môi trường (Quản lý môi trường)	Chi cục Bảo vệ môi trường - Sở Nông nghiệp và Môi trường
60	Võ Minh Tiến	16/01/1990	Số 1561/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn	Phòng Địa chất và Khoáng sản - Sở Nông nghiệp và Môi trường

61	Hoàng Xuân Phương	28/7/1982	Số 1561/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	Đất đai	Văn phòng Đăng ký đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường
62	Lê Ly Đa	20/4/1984	Số 1561/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	Đất đai	Văn phòng Đăng ký đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường
63	Nguyễn Thị Liên	17/10/1980	Số 1561/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	Đất đai	Văn phòng Đăng ký đất đai - Sở Nông nghiệp và Môi trường
64	Nguyễn Minh Huân	20/8/1969	Số 1079/QĐ-UBND ngày 18/6/2007	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường <i>(Đã thôi việc, đang thực hiện quy trình miễn nhiệm)</i>
65	Nguyễn Lực	10/3/1969	Số 180/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	Nông nghiệp	Chi cục Chăn nuôi và Thú y trực - Sở Nông nghiệp và Môi trường <i>(Đã nghỉ hưu, đang thực hiện quy trình miễn nhiệm)</i>
66	Nguyễn Văn Linh	12/1/1990	Số 180/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	Thủy lợi	Đã chuyển công tác đến Đảng ủy xã Vân Hòa <i>(Đang thực hiện quy trình miễn nhiệm)</i>

67	Đoàn Thị Kim Hạnh	03/9/1986	Số 531/QĐ-UBND ngày 22/4/2024	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Sở Nông nghiệp và Môi trường
68	Nguyễn Thanh Phong	6/3/1980	Số 1068/QĐ-UBND ngày 06/8/2024	Địa chất và khoáng sản	Phòng Địa chất và khoáng sản - Sở Nông nghiệp và Môi trường
69	Nguyễn Võ Thành Danh	18/6/1989	Số 02349/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk
70	Bùi Ngọc Thạch	20/10/1981	Số 02349/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk
71	Võ Banh	2/12/1978	Số 02349/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk
72	Đặng Anh Tuấn	06/6/1990	Số 02349/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk
73	Lương Ngọc Lân	15/8/1984	Số 02349/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk
74	Nguyễn Quang Ngọc	20/8/1980	Số 02349/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk
75	Phạm Văn Nghĩa	20/4/1979	Số 02349/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk
76	Phan Văn Thành Đoàn	11/4/1995	Số 02349/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk

77	Trần Nhật Trung	10/9/1995	Số 02349/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk
78	Đoàn Anh Vũ	09/1/1996	Số 02349/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk
79	Vũ Thiên Hoàng	20/11/1983	Số 02349/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk
80	Trần Ngọc Phụng	10/12/1976	Số 02349/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk
81	Đặng Đình Tuấn	01/3/1995	Số 02349/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk
82	Đường Xuân Nguyễn Anh	18/10/1991	Số 02349/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk
83	Nguyễn Trang Nguyên	20/9/1989	Số 02349/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk
84	Trần Hoàng Long	18/4/1993	Số 02349/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk
85	Trần Ngọc Thịnh	9/9/1985	Số 02349/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk
IX	GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (11 người)				
1	Võ Xuân Quang	01/11/1977	Số 1868/QĐ-UBND ngày 27/7/2010	Công nghệ thông tin	Phòng Chuyển đổi số - Sở Khoa học và Công nghệ

2	Võ Nguyễn Hoàng Nam	08/10/1975	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Công nghệ thông tin	Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh - Sở Khoa học và Công nghệ
3	Đỗ Việt Hoà	24/9/1983	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Thông tin và truyền thông	Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính - Sở Khoa học và Công nghệ <i>(Không còn điều kiện phù hợp để thực hiện giám định tư pháp, đang thực hiện quy trình miễn nhiệm)</i>
4	Phùng Thị Thom	03/11/1986	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Công nghệ thông tin	Phòng Chuyển đổi số - Sở Khoa học và Công nghệ
5	Trần Duy Tân	16/5/1978	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Công nghệ thông tin	Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh - Sở Khoa học và Công nghệ
6	Đinh Hồng Lâm	26/02/1983	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Công nghệ thông tin	Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh - Sở Khoa học và Công nghệ
7	Châu Hoà Khánh Tâm	01/01/1985	Số 3055/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	Công nghệ thông tin	Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh - Sở Khoa học và Công nghệ
8	Dương Văn Nghị	20/10/1973	Số 28/QĐ-UBND ngày 02/01/2013	Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ

					<i>(Đã thôi việc, đang thực hiện quy trình miễn nhiệm)</i>
9	Đào Đức Dũng	30/9/1974	Số 1684/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	Sở hữu công nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Lê Thị Xuân Phương	20/7/1976	Số 18/QĐ-UBND ngày 02/01/2013	Bưu chính - Viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ
11	Nguyễn Minh Thiên	24/9/1975	Số 598/QĐ-UBND ngày 16/5/2023	Công nghệ thông tin	Sở Khoa học và Công nghệ
X	GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG (04 người)				
1	Trần Trọng Lưu	12/6/1974	Ngày 11/3/2011 <i>(không lưu Quyết định bổ nhiệm)</i>	Công thương	Sở Công thương
2	Lưu Văn Khang	28/12/1976	Số 2707/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	Công thương	Sở Công thương
3	Võ Xuân Nguyễn	27/12/1976	Số 2122/QĐ-UBND ngày 21/12/2011	Công thương	Sở Công thương
4	Nguyễn Bảo Long	30/8/1977	Số 2122/QĐ-UBND ngày 21/12/2011	Công thương	Sở Công thương
XI	GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC NỘI VỤ (01 người)				
1	Huỳnh Dũng	7/10/1969	Số 888/QĐ-UBND ngày 29/7/2022	Lao động - Việc làm	Sở Nội vụ <i>(Đang làm hồ sơ miễn nhiệm)</i>

B. DANH SÁCH NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC: 33 người

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quyết định công nhận	Lĩnh vực giám định	Đơn vị công tác
1	Trần Thị Ngọc Minh	26/11/1977	Số 2042/QĐ-UBND ngày 18/11/2013	Thư viện	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Nguyễn Hữu Thuật	20/10/1966	Số 2042/QĐ-UBND ngày 18/11/2013	Thể dục thể thao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (<i>Đã nghỉ hưu, đang thực hiện quy trình miễn nhiệm</i>)
3	Huỳnh Từ Nhân	03/02/1972	Số 2042/QĐ-UBND ngày 18/11/2013	Nghệ thuật biểu diễn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Lê Trung Hiền	18/02/1976	Số 1646/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	Điện ảnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5	Phạm Thị Hạ	15/04/1981	Số 495/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	Sản phẩm văn hóa và quyền tác giả, quyền liên quan	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (<i>Đã nghỉ hưu, đang thực hiện quy trình miễn nhiệm</i>)
6	Trần Thị Hiền	25/5/1990	Số 495/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	Sản phẩm văn hóa và quyền tác giả, quyền liên quan	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
7	Nguyễn Thị Bích Đào	22/4/1980	Số 495/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	Di vật, cổ vật	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
8	Phạm Ý Thiên	10/12/1977	Số 2042/QĐ-UBND ngày 18/11/2013	Tin học	Đã chuyển công tác đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc UBND phường Hòa Hiệp

					<i>(Đang thực hiện miễn nhiệm)</i>
9	Phạm Ngọc Hùng	04/9/1976	Số 2042/QĐ-UBND ngày 18/11/2013	Đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường
10	Đào Thị Kim Chi	21/7/1984	Số 2042/QĐ-UBND ngày 18/11/2013	Môi trường	Chi cục Bảo vệ môi trường - Sở Nông nghiệp và Môi trường
11	Dương Phú Sơn	10/01/1979	Số 2042/QĐ-UBND ngày 18/11/2013	Điện	Sở Công thương
12	Nguyễn Quang Ngọc	20/8/1980	Số 2303/QĐ-UBND ngày 18/11/2015	Quản lý bảo vệ rừng	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
13	Nguyễn Công Kỳ	07/7/1969	Số 2303/QĐ-UBND ngày 18/11/2015	Quản lý bảo vệ rừng	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường <i>(Đã nghỉ việc, đang thực hiện quy trình miễn nhiệm)</i>
14	Nguyễn Ngọc Thành	04/7/1968	Số 2303/QĐ-UBND ngày 18/11/2015	Quản lý bảo vệ rừng	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường <i>(Đã nghỉ việc, đang thực hiện quy trình miễn nhiệm)</i>
15	Trần Thanh Ba	15/10/1969	Số 2303/QĐ-UBND ngày 18/11/2015	Quản lý bảo vệ rừng	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường <i>(Đã nghỉ việc, đang thực hiện quy trình miễn nhiệm)</i>
16	Nguyễn Đức Anh	01/01/1974	Số 2303/QĐ-UBND ngày 18/11/2015	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường

17	Nguyễn Mạnh Thành	04/3/1975	Số 2303/QĐ-UBND ngày 18/11/2015	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
18	Lê Hoàng Phong	25/5/1968	Số 2303/QĐ-UBND ngày 18/11/2015	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường (<i>Đã nghỉ việc, đang thực hiện quy trình miễn nhiệm</i>)
19	Kiều Thống Nhất	12/10/1976	Số 2303/QĐ-UBND ngày 18/11/2015	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
20	Nguyễn Văn Toàn	23/12/1972	Số 181/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	Lâm nghiệp	(<i>Đã nghỉ việc, đang thực hiện quy trình miễn nhiệm</i>)
21	Bùi Ngọc Thạch	20/10/1981	Số 181/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
22	Nguyễn Đình Chiêu	05/3/1980	Số 181/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	Lâm nghiệp	(<i>Đã nghỉ việc, đang thực hiện quy trình miễn nhiệm</i>)
23	Võ Banh	02/12/1978	Số 181/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
24	Vũ Thiên Hoàng	20/11/1983	Số 181/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
25	Phạm Văn Nghĩa	20/4/1979	Số 181/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường
26	Trần Ngọc Phụng	10/12/1976	Số 181/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Môi trường

27	Nguyễn Xuân Lãm	20/9/1978	Số 181/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường
28	Đặng Minh Nho	09/7/1971	Số 181/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	Nông nghiệp	Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (<i>Đã nghỉ hưu, đang làm thủ tục miễn nhiệm</i>)
29	Mai Vũ Quốc Bảo	13/8/1980	Số 181/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	Nông nghiệp	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản - Sở Nông nghiệp và Môi trường
30	Đinh Văn Mẹo	21/5/1963	Số 2042/QĐ-UBND ngày 18/11/2013	Xây dựng	Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Phú Yên
31	Đinh Hữu Dung	21/3/1955	Số 2042/QĐ-UBND ngày 18/11/2013	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Trung tâm Tư vấn xây dựng thuộc Trường Đại học Xây dựng miền Trung
32	Nguyễn Bá Tìm	22/7/1977	Số 2042/QĐ-UBND ngày 18/11/2013	Xây dựng	Xí nghiệp tư vấn Xây dựng Công trình giao thông 5.1
33	Hoàng Minh Nam	14/01/1976	Số 2042/QĐ-UBND ngày 18/11/2013	Xây dựng	Công ty TNHH Tư vấn xây dựng 70

C. DANH SÁCH TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP CÔNG LẬP: 02 tổ chức

STT	Tên tổ chức	Địa chỉ trụ sở
1	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk	Cơ sở 1: Số 58 Nguyễn Tất thành, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk ĐT: 0694.389.155 hoặc 0694.389.256 Cơ sở 2: 44 Lê Duẩn, phường 6 Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk
2	Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk thuộc Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk	Cơ sở 01: số 08 Nguyễn Hữu Thấu, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk ĐT: 0262.3841.557 hoặc 0262.3861.005 Cơ sở 02, số 52 Phan Đình Phùng, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk

D. DANH SÁCH TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC: 09 tổ chức

STT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Quyết định công bố tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm	Hoạt động giám định tư pháp
1	Ban Quản lý dự án và Kiểm định xây dựng (tên cũ: Trung tâm Kiểm định xây dựng)	Địa chỉ: - Số 07 Đinh Tiên Hoàng, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. - Số 05 Đồng Khởi, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk	Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 19/10/2018	Dân dụng - Công nghiệp	28 năm	- Tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng; - Chất lượng thiết kế xây dựng công trình; - Chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng; - Chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan.
2	Trung tâm Quy hoạch và Tư vấn xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng	35 Lê Thánh Tôn, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk	Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 18/11/2013	Dân dụng và Công nghiệp	20 năm	Xây dựng

3	Trung tâm tư vấn xây dựng thuộc Trường Đại học Xây dựng miền Trung	24 Nguyễn Du, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk	Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 18/11/2013	Dân dụng và Công nghiệp	31 năm	Xây dựng
4	Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng Phú Yên	194 Trần Hưng Đạo, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk	Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 18/11/2013	Dân dụng và Công nghiệp	19 năm	Xây dựng
5	Trung tâm Giám định, kiểm định chất lượng xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng	- Trụ sở chính: 05 Đồng Khởi, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk - Cơ sở 2: 02 A Lý Tự Trọng, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk	Quyết định số 1774/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	Dân dụng và Công nghiệp	06 năm	- Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng. - Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình. - Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng. - Giám định tư pháp về chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình.

						- Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan.
6	Chi cục Kiểm lâm	Số 49 Hùng Vương, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 23/3/2022	Lâm nghiệp	46 năm	- Tuân thủ các quy định của pháp luật về Lâm nghiệp. - Chủng loại, khối lượng gỗ, trạng thái, loại rừng... trong các vụ vi phạm về phá rừng, khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật. - Trọng lượng, tên, nhóm loài các cá thể động vật hoang dã.
7	Chi cục Quản lý đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Số 47 Nguyễn Tất Thành, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 18/3/2024	Quản lý đất đai	13 năm	Đất đai
8	Chi cục Bảo vệ môi trường - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk	Số 47 Nguyễn Tất Thành, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 18/11/2013	Bảo vệ môi trường	17 năm	Môi trường

9	Sở Khoa học và Công nghệ	08 Lý Thái Tổ, Phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk	Quyết định số 1588/2003/QĐ- UBND ngày 09/7/2003	Khoa học và Công nghệ		Khoa học và Công nghệ
---	--------------------------	--	--	-----------------------	--	-----------------------